

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: **66/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 05/ 8/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Ông Lê Văn Ninh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐST -HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị La Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ x, phường T, thành phố TH, tỉnh TH. *(Có mặt tại phiên tòa)*

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 08 (nay là tổ x), phường T, thành phố TH, tỉnh TH. *(Anh Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị La Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc A kết hôn năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố TH, tỉnh TH. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Nguyễn Ngọc A nghiện ma túy, mãi chơi, ngoại tình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Lan H1, sinh ngày 30/12/2015 và Nguyễn Tùng L, sinh ngày 31/01/2018. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh Ngọc A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung,

không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc A trình bày: Năm 2015 anh kết hôn với chị La Thị H, có tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Tháng 9/2019 do vi phạm pháp luật và bị bắt. Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2021 vợ tôi không còn liên lạc và thăm gặp với tôi, tôi thấy vợ tôi không còn tình cảm với tôi. Nay chị H xin ly hôn, tôi đồng ý giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Lan H1, sinh ngày 30/12/2015 và Nguyễn Tùng L, sinh ngày 31/01/2018. Hiện tôi đang chấp hành án nên không thể nuôi dưỡng được hai con nên đồng ý cho chị H trực tiếp nuôi cả hai con. Đến khi tôi chấp hành xong án thì tôi có yêu cầu và nguyện vọng được nuôi một con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh Nguyễn Ngọc A không thể tham gia các phiên hòa giải được vì có lý do chính đáng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự như xác định thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp; Chấp hành đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử; Tại phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị La Thị H. Chị La Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc A; Về con chung: Giao cho chị La Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên là Nguyễn Lan H1, sinh ngày 30/12/2015 và Nguyễn Tùng L, sinh ngày 31/01/2018 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Ngọc A được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị không xem xét giải quyết vì chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị La Thị H phải chịu án phí sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Chị La Thị H và anh Nguyễn Ngọc A có nơi cư trú tại thành phố TH, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố TH theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Ngọc A, song anh Ngọc A đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị H và anh Nguyễn Ngọc A kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố TH, tỉnh TH nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị H xin ly hôn là do anh Ngọc A không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, mãi chơi dấn đến nghiện hút và vi phạm pháp luật. Anh Ngọc A xác định vợ chồng sống không có mâu thuẫn, tuy nhiên chị H xin ly hôn, anh đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị H và anh Ngọc A không đạt được nêu duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H là phù hợp với thực tế quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị La Thị H và anh Ngọc A có hai con chung tên là Nguyễn Lan H1, sinh ngày 30/12/2015 và Nguyễn Tùng L, sinh ngày 31/01/2018, hiện đang ở với mẹ. Nếu ly hôn, chị La Thị H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh Ngọc A cấp dưỡng nuôi con, anh Ngọc A cũng mong muốn sau khi ly hôn con được ở với mẹ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...*”.

Xét về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Vợ chồng chị La Thị H và anh Nguyễn Ngọc A có hai con chung hiện đang ở với chị H. Do anh Ngọc A hiện nay chưa có điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên anh đồng ý để cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Hội đồng xét xử thấy cần giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị La Thị H không yêu cầu anh Ngọc A cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị La Thị H và anh Nguyễn Ngọc A xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị La Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị La Thị H. Chị La Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc A.

2. Về con chung: Giao cho chị La Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Lan H1, sinh ngày 30/12/2015 và Nguyễn Tùng L, sinh ngày 31/01/2018 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Ngọc A được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì chị La Thị H không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị La Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004724 ngày 30/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

5. Quyền kháng cáo: Chị La Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố TH;
- THADS thành phố TH;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thanh Trúc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 05 tháng 8 năm 2021;

Tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Ông Lê Văn Ninh

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị La Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 05, phường T, TP. TH, tỉnh TH.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 08 (nay là tổ 05), phường T, thành phố TH, tỉnh TH.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị La Thị H. Chị La Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc A.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao cho chị La Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Lan H1, sinh ngày 30/12/2015 và Nguyễn Tùng L, sinh ngày 31/01/2018 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Ngọc A được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì chị La Thị H không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị La Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0004724 ngày 30/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.5. Quyền kháng cáo: Chị La Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thanh Trúc